



SỔ LIÊU

QUYẾT TÁN THỦ CHỈ DẪM TR NĂM 2024 CỦA UBND XÃ MƯỜNG KHOA (CŨ)

(Kèm theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 28/9/2026 của HĐND xã Mường Khoa)

ĐVT: Đồng

Số TT		Số đề nghị Quyết toán	Số phê duyệt QT của HĐND xã	Chênh lệch
A	B	1	2	3=2-1
I	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	-	-	-
1	Chi phí quản lý	-	-	-
-	Chi xăng dầu cho phương tiện đi kiểm tra rừng			-
-	Chi cho công tác hợp đồng bảo vệ rừng			-
-	Chi bồi dưỡng làm thêm giờ, kiêm nhiệm			-
-	Chi phổ biến tuyên truyền GDPL và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng			-
-	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm			-
-	Chi hội nghị, sơ kết, tổng kết và khen thưởng			-
-	Chi vật tư cho công tác kiểm tra rừng			-
-	Chi khác			-
2	Chi bên nhận hợp đồng	-	-	-
-	Chi cộng đồng thôn, bản			-
II	Kinh phí thực nhận trong năm	1.851.882.121	1.851.882.121	-
1	Lãi tiền gửi			-
2	Chi phí quản lý	141.100.000	141.100.000	-
-	Chi xăng dầu cho phương tiện đi kiểm tra rừng	23.700.000	23.700.000	-
-	Chi cho công tác hợp đồng bảo vệ rừng	12.000.000	12.000.000	-
-	Chi bồi dưỡng làm thêm giờ, kiêm nhiệm	8.100.000	8.100.000	-
-	Chi phổ biến tuyên truyền GDPL và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng	48.300.000	48.300.000	-
-	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm	8.537.500	8.537.500	-
-	Chi hội nghị, sơ kết, tổng kết và khen thưởng	36.598.500	36.598.500	-
-	Chi vật tư cho công tác kiểm tra rừng	-	-	-
-	Chi khác	3.864.000	3.864.000	-
3	Chi bên nhận hợp đồng	1.710.782.121	1.710.782.121	-
-	Chi cộng đồng thôn, bản	1.710.782.121	1.710.782.121	-
III	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.851.882.121	1.851.882.121	-
1	Lãi tiền gửi	-	-	-
2	Chi phí quản lý	141.100.000	141.100.000	-
-	Chi xăng dầu cho phương tiện đi kiểm tra rừng	23.700.000	23.700.000	-
-	Chi cho công tác hợp đồng bảo vệ rừng	12.000.000	12.000.000	-
-	Chi bồi dưỡng làm thêm giờ, kiêm nhiệm	8.100.000	8.100.000	-
-	Chi phổ biến tuyên truyền GDPL và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng	48.300.000	48.300.000	-
-	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm	8.537.500	8.537.500	-
-	Chi hội nghị, sơ kết, tổng kết và khen thưởng	36.598.500	36.598.500	-
-	Chi vật tư cho công tác kiểm tra rừng	-	-	-
-	Chi khác	3.864.000	3.864.000	-
3	Chi bên nhận hợp đồng	1.710.782.121	1.710.782.121	-
-	Chi cộng đồng thôn, bản	1.710.782.121	1.710.782.121	-

Số TT	Chỉ tiêu	Số đề nghị Quyết toán	Số phê duyệt QT của HĐND xã	Chênh lệch
IV	Kinh phí đã sử dụng đề nghị quyết toán	1.851.882.121	1.851.093.035	(789.086)
1	Lãi tiền gửi			-
2	Chi phí quản lý	141.100.000	140.310.914	(789.086)
-	Chi xăng dầu cho phương tiện đi kiểm tra rừng	23.700.000	23.700.000	-
-	Chi cho công tác hợp đồng bảo vệ rừng	12.000.000	12.000.000	-
-	Chi bồi dưỡng làm thêm giờ, kiêm nhiệm	8.100.000	8.100.000	-
-	Chi phổ biến tuyên truyền GDPL và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng	48.323.488	48.323.488	-
-	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm	8.537.196	8.537.196	-
-	Chi hội nghị, sơ kết, tổng kết và khen thưởng	36.598.500	35.809.414	(789.086)
-	Chi vật tư cho công tác kiểm tra rừng	-	-	-
-	Chi khác	3.840.816	3.840.816	-
3	Chi bên nhận hợp đồng	1.710.782.121	1.710.782.121	-
-	Chi cộng đồng thôn, bản	1.710.782.121	1.710.782.121	-
V	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán	-	789.086	789.086
1	Lãi tiền gửi	-	-	-
2	Chi phí quản lý	-	789.086	789.086
-	Chi xăng dầu cho phương tiện đi kiểm tra rừng	-	-	-
-	Chi cho công tác hợp đồng bảo vệ rừng	-	-	-
-	Chi bồi dưỡng làm thêm giờ, kiêm nhiệm	-	-	-
-	Chi phổ biến tuyên truyền GDPL và tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý, bảo vệ rừng	(23.488)	(23.488)	-
-	Chi mua vật tư, văn phòng phẩm	304	304	-
-	Chi hội nghị, sơ kết, tổng kết và khen thưởng	-	789.086	789.086
-	Chi vật tư cho công tác kiểm tra rừng	-	-	-
-	Chi khác	23.184	23.184	-
3	Chi bên nhận hợp đồng	-	-	-
-	Chi cộng đồng thôn, bản	-	-	-